

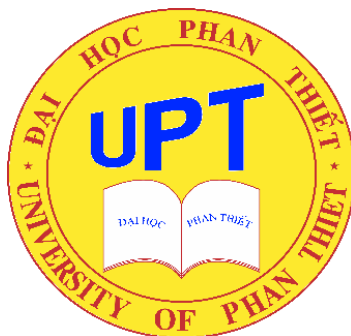
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT
KHOA TÀI CHÍNH-KẾ TOÁN-NGÂN HÀNG



CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH KẾ TOÁN

Năm 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT



CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
(Theo hệ thống tín chỉ, áp dụng từ khóa 14)

MÃ NGÀNH: 7340301

TÊN NGÀNH: KẾ TOÁN

TÊN CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

BÌNH THUẬN - 2022

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm Quyết định số /QĐ-ĐHPT ngày tháng năm 2022

của Trường Đại học Phan Thiết)

A. Thông tin tổng quát (General information)

1. Tên chương trình tiếng Việt: Kế Toán
2. Tên chương trình tiếng Anh: Accounting
3. Trình độ đào tạo: Đại học
4. Ngành đào tạo tiếng Việt: Kế Toán
5. Ngành đào tạo tiếng Anh: Accounting
6. Mã ngành: 7340301
7. Thời gian đào tạo: 3.5 năm
8. Loại hình đào tạo: Chính quy, tập trung
9. Số tín chỉ: 132 tín chỉ
10. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân/Đại học
11. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

B. Mục tiêu đào tạo và Chuẩn đầu ra (Program Objectives and Learning outcomes)

1. Mục tiêu đào tạo (Program Objectives)

1.1. Mục tiêu chung

Cử nhân ngành Kế toán được đào tạo theo định hướng nghề nghiệp, có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán; thiết kế và điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán; có tư duy độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức:

- PO1: Có sự hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức cơ

bản trong các lĩnh vực Khoa học cơ bản và kiến thức chung về khối ngành kinh tế.

- PO2: Cử nhân Kế toán được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp; lập các báo cáo thuế, báo cáo kế toán tài chính và báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính, sự nghiệp; có nghiệp vụ kiểm toán, nghiệp vụ kiểm soát, hình thành ý kiến đánh giá và tư vấn cho nhà quản lý

1.2.2. Về kỹ năng

- PO3: Sinh viên có kỹ năng lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp. Có kỹ năng lập các báo cáo thuế, báo cáo kế toán tài chính và báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính, sự nghiệp.

- PO4: Kỹ năng tư vấn cho lãnh đạo doanh nghiệp về lĩnh vực kế toán và tham gia xây dựng mô hình chung về tổ chức hạch toán ở doanh nghiệp; Kỹ năng làm việc theo nhóm; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình; kỹ năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành;

1.2.3. Về thái độ

PO5: Có trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo; Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp; Có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

1.2.4. Về vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Cử nhân ngành kế toán có thể làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước thuế, tài chính, kế toán kiểm toán.

Cử nhân kế toán có thể làm việc trong các tập đoàn, tổng công ty, công ty đầu tư phát triển kế toán, các công ty kinh doanh dịch vụ kế toán; các ngân hàng và các tổ chức tài chính,... cán bộ nghiên cứu và giảng dạy trong các viện nghiên cứu, các trường đại học.

1.2.5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có nền tảng tốt để tiếp tục học lên bậc học cao hơn như Thạc sĩ, Tiến sĩ của Trường Đại học Phan Thiết, các trường đại học trong nước, các trường ngoài nước hoặc các

chương trình liên kết được cấp phép của Bộ GD&ĐT của các Trường Đại học trong nước với các trường Đại học nước ngoài.

Có năng lực thăng tiến lên cấp quản trị cấp trung (sau 3 - 5 năm tích lũy kinh nghiệm làm việc).

2. Chuẩn đầu ra (Program learning outcomes)

Chuẩn đầu ra Bậc 6 trình độ đại học ngành Kế toán được thiết kế nhằm xác nhận trình độ đào tạo của người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về kế toán, kiến thức cơ bản về khoa học cơ bản, chính trị và pháp luật; có kỹ năng nhận thức liên quan đến phản biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức, thuộc ngành đào tạo, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ. Chuẩn đầu ra bao gồm: kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; Kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; Mức độ tự chủ trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn. Cụ thể, sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra	Giải thích	Nhóm CDR
PLO1	Hiểu và vận dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, lý luận chính trị, kinh tế, quản lý và pháp luật.	Kiến thức
PLO2	Hiểu và vận dụng được những kiến thức chuyên sâu về kế toán, tài chính, kết hợp với kiến thức công nghệ thông tin trong công tác chuyên môn và công tác điều hành, quản lý.	
PLO3	Ứng dụng kỹ năng nhận diện, phân tích, đánh giá các vấn đề trong lĩnh vực kế toán, tài chính.	Kỹ năng
PLO4	Ứng dụng kỹ năng tư duy phản biện, suy luận logic, xử lý các tình huống phát sinh và đánh giá chất lượng trong công việc.	
PLO5	Ứng dụng kỹ năng truyền đạt, khởi nghiệp, tự tạo việc làm phục vụ	

	nghe nghiệp cho cá nhân và xã hội.	
PLO6	Sử dụng ngoại ngữ thành thạo trong giao tiếp và chuyên môn trong lĩnh vực kế toán, tài chính.	
PLO7	Làm việc độc lập và thích ứng nhanh với môi trường làm việc.	Mức tự chủ và trách nhiệm
PLO8	Tổ chức, điều hành công việc một cách khoa học.	
PLO9	Ứng xử, giao tiếp và làm việc nhóm một cách hiệu quả.	
PLO10	Tư duy sáng tạo, giải quyết được các vấn đề nghiệp vụ liên quan đến kế toán, tài chính.	
PLO11	Hình thành ý thức tự phát triển bản thân và khả năng học tập suốt đời; thực thi trách nhiệm với công việc và với xã hội, tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.	

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức tích lũy cho toàn khóa tối thiểu là 132 tín chỉ, chưa bao gồm Giáo dục Thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng (8 tín chỉ).

4. Đối tượng tuyển sinh

Công dân đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định hiện hành của Nhà trường.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định tại điều 14 Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định hiện hành của Nhà trường.

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc

không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

- Tích lũy đủ số tín chỉ môn học và khối lượng kiến thức quy định cho CTĐT mỗi khóa.

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.00 trở lên.

- Đạt điểm rèn luyện từ 5.0 trở lên (tối thiểu xếp loại trung bình/ toàn khóa học)

- Sinh viên tốt nghiệp phải đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam hoặc trình độ Ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam

- Có Chứng chỉ ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản (gồm đủ 6 mô đun cơ bản) quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT

- Chứng chỉ ứng dụng Công nghệ thông tin nâng cao theo Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin nâng cao quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT

- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và hoàn thành môn học Giáo dục Thể chất

- Tham gia hoạt động cộng đồng theo quy định của Nhà trường (15 ngày công ích).

6. Cách thức đánh giá

Chương trình sử dụng thang điểm 10, quy đổi tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy định của Trường.

7. Nội dung chương trình

TT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ			Môn tiên quyết (nếu có)
			TC	LT	TH/TT	
7.1	Kiến thức giáo dục đại cương		13	13		
	7.1.1. Lý luận chính trị		11	11		
1	Triết học Mác- Lênin Marxist-Leninist Philosophy	190441	3	3		
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin Marxist-Leninist Political Economy	190117	2	2		
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Science Socialism	190014	2	2		
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam History of the Communist Party of Vietnam	190152	2	2		
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh’s Thought	190443	2	2		

	7.1.2. Pháp luật		2	2		
6	Pháp luật đại cương General Law	190255	2	2		
	7.1.3. Giáo dục thể chất		3*		3*	
7	Giáo dục Thể chất 1 Physical Education 1	190060	2*		2*	
8	Giáo dục Thể chất 2 Physical Education 2	190061	1*		1*	
	7.1.4. Giáo dục Quốc phòng – An ninh		8*		8*	
9	Giáo dục Quốc phòng Military and Defense Education	190059	8		8	
7.2 Kiến thức khoa học cơ bản			27	26	1	
	7.2.1. Ngoại ngữ		18	18		
10	Tiếng Anh 1 English 1	200025	3	3		
11	Tiếng Anh 2 English 2	190365	3	3		
12	Tiếng Anh 3 English 3	190366	3	3		
13	Tiếng Anh 4 English 4	190367	3	3		
14	Tiếng Anh 5 English 5	190368	3	3		
15	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán English for Accounting	190371	3	3		
	7.2.2. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên		9	8	1	
16	Toán cao cấp Calculus	19125	3	3		
17	Thống kê ứng dụng Applied Statistics	190345	3	3		
18	Tin học căn bản Basic informatics	200026	3	2	1	
7.3. Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành			81	74	7	
	7.3.1. Kiến thức cơ sở của ngành		11	11		
19	Kinh tế vi mô	190123	3	3		

	Microeconomics					
20	Kinh tế vĩ mô Macroeconomics	190124	3	3		
21	Pháp luật kinh tế Economic Law	190257	2	2		
22	Marketing căn bản Principles Of Marketing	200013	3	3		
	7.3.2. Kiến thức ngành và chuyên sâu:		70	63	7	
	7.3.2.1. Kiến thức chung:		22	22		
	Bắt buộc:		16	16		
23	Toán tài chính Mathematics for Finance	200028	2	2		
24	Nhập môn tài chính tiền tệ Fundamentals of Money & Finance	190242	3	3		
25	Quản trị tài chính doanh nghiệp Corporate Finance Management	190315	2	2		
26	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại Commercial Banking	190226	3	3		
27	Thuế Tax	200024	3	3		
28	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	200016	3	3		
	Tự chọn: Chọn 01 học phần/nhóm		6	6		
29	Thanh toán quốc tế International Payment	190334	3	3		
30	Kế toán quốc tế International Accounting	220102				
31	Tài chính quốc tế International Finance	190327				
32	Phân tích hoạt động kinh doanh Business Analytics	190249	3	3		
33	Phân tích tài chính Financial Analysis	190250				
	7.3.2.2 Kiến thức chuyên ngành:		48	41	7	
	Bắt buộc:		42	35	7	

34	Kế toán tài chính 1 Financial Accounting 1	190095	4	4		
35	Kế toán tài chính 2 Financial Accounting 2	190096	3	3		
36	Kế toán tài chính 3 Financial Accounting 3	190097	3	3		
37	Kế toán tài chính 4 Financial Accounting 4	190098	3	3		
38	Hệ thống thông tin kế toán Accounting Information Systems	190075	3	3		
39	Kế toán quản trị Management Accounting	190094	3	3		
40	Kế toán chi phí giá thành Cost Accounting	190084	3	3		
41	Kế toán thuế Accounting of Tax	200051	3	3		
42	Kế toán ngân hàng thương mại Accounting for Commercial Banking	190093	3	3		
43	Kiểm toán 1 Auditing 1	190111	2	2		
44	Tin học kế toán Accounting Informatics	220100	3	2	1	
45	Thực hành sổ sách kế toán Practice Bookkeeping	220101	3	1	2	
46	Kế toán mô phỏng Simulation Accounting	190089	4	2	2	
47	Thuế ứng dụng Tax Practice	190362	2		2	
	Tự chọn: Chọn 01 học phần/nhóm		6	6		
48	Kế toán ngân sách State Budget Accounting	200053	3	3		
49	Kế toán hành chính sự nghiệp Accounting for Public Sector	190088				
50	Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp Organization Accounting at Business	200047				
51	Kiểm toán 2 Auditing 2	190112	3	3		

52	Kiểm soát nội bộ Internal Control	190109				
53	Kiểm toán nội bộ Internal auditing	200052				
7.4. Kiến thức thực tập và trải nghiệm			9	3	6	
	Khóa luận tốt nghiệp/(Thực tập tốt nghiệp + Kỹ năng mềm)		9	3	6	
54	Khoá luận tốt nghiệp Graduate Thesis	200057	9	3	6	
55	Thực tập tốt nghiệp Internship	190360	6		6	
56	Kỹ năng mềm Soft Skills	190130	3	3		
7.5. Kiến thức nghiên cứu và các thành phần khác			2	2		
57	Phương pháp Nghiên cứu khoa học Scientific Research Method	190270	2	2		
Tổng cộng			132	118	14	

Ghi chú: TC: tín chỉ

LT: Lý thuyết

TH/TT: Thực hành/thực tập

8. Kế hoạch giảng dạy

Các môn Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng đào tạo theo kế hoạch chung của Trường.

TT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
HỌC KỲ 1			14	14		
1	Tiếng Anh 1	200025	3	3		
2	Marketing căn bản	200013	3	3		
3	Toán tài chính	200028	2	2		

4	Nhập môn tài chính tiền tệ	190242	3	3		
5	Nguyên lý kế toán	200016	3	3		
6	Giáo dục thể chất 1	190060	2*		2*	
HỌC KỲ 2			14	14		
1	Pháp luật đại cương	190255	2	2		
2	Kinh tế vi mô	190123	3	3		
3	Tiếng Anh 2	190365	3	3		
4	Quản trị tài chính doanh nghiệp	190315	2	2		
5	Kế toán tài chính 1	190095	4	4		
HỌC KỲ 3			15	15		
1	Giáo dục thể chất 2	190061	1*		1*	
2	Tiếng Anh 3	190366	3	3		
3	Thống kê ứng dụng	190345	3	3		
4	Kinh tế vĩ mô	190124	3	3		
5	Triết học Mác – Lênin	190441	3	3		
6	Kế toán tài chính 2	190096	3	3		
HỌC KỲ 4			14	13	1	
1	Tin học căn bản	200026	3	2	1	
2	Tiếng Anh 4	190367	3	3		
3	Pháp luật kinh tế	190257	2	2		
4	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	190226	3	3		

5	Kế toán tài chính 3	190097	3	3		
HỌC KỲ 5			14	14		
1	Tiếng Anh 5	190368	3	3		
2	Toán cao cấp	19125	3	3		
3	<i>Môn tự chọn 1</i>		3	3		
	Thanh toán quốc tế	190334				
	Kế toán quốc tế	220102				
	Tài chính quốc tế	190327				
4	Kế toán ngân hàng thương mại	190093	3	3		
5	Kiểm toán 1	190111	2	2		
HỌC KỲ 6			13	12	1	
1	Giáo dục quốc phòng – an ninh	190059	8*		8*	
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	190270	2	2		
3	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	190117	2	2		
4	Kế toán tài chính 4	190098	3	3		
5	Thuế	200024	3	3		
6	Tin học kế toán	220100	3	2	1	
HỌC KỲ 7			14	12	2	
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	190014	2	2		
2	Thực hành sổ sách kế toán	220101	3	1	2	
3	Tiếng anh chuyên ngành kế toán	190371	3	3		
4	Hệ thống thông tin kế toán	190075	3	3		
5	Kế toán quản trị	190094	3	3		
HỌC KỲ 8			14	10	4	
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	190443	2	2		

2	Kế toán chi phí giá thành	190084	3	3		
3	Mô học tự chọn 2		3	3		
	Kế toán ngân sách	200053				
	Kế toán hành chính sự nghiệp	190088				
	Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	200047				
4	Kế toán mô phỏng	190089	4	2	2	
5	Thuế ứng dụng	190362	2		2	
HỌC KỲ 9			11	11		
1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	190152	2	2		
2	Môn học tự chọn 3		3	3		
	Kiểm toán 2	190112				
	Kiểm soát nội bộ	190109				
	Kiểm toán nội bộ	200052				
3	Môn học tự chọn 4		3	3		
	Phân tích hoạt động kinh doanh	190249				
	Phân tích tài chính	190250				
4	Kế toán thuế	200051	3	3		
HỌC KỲ 10			9	3	6	
<i>Chọn 1 trong 2 hình thức tốt nghiệp: Khóa luận tốt nghiệp/(Thực tập tốt nghiệp + Kỹ năng mềm)</i>						
1	Khoá luận tốt nghiệp	200057	9	3	6	
2	Thực tập tốt nghiệp	190360	6		6	
	Kỹ năng mềm	190130	3	3		
Tổng cộng			132	118	14	

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

9.1. Xây dựng đề cương chi tiết các môn học

Trên cơ sở chương trình đào tạo, giảng viên biên soạn đề cương chi tiết theo qui

định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường với một số điểm cần lưu ý:

- Việc triển khai chi tiết các môn học phải đảm bảo tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, cần qui định các môn học tiên quyết của môn học kế tiếp trong chương trình đào tạo.

- Về nội dung: Trừ phần kiến thức tự chọn, các môn học còn lại là bắt buộc thực hiện. Nội dung trong đề cương là những nội dung cốt lõi của môn học. Có thể bổ sung thêm nội dung hay thời lượng cho một môn học nào đó, phần thời lượng thêm vào được lấy từ thời lượng môn học tự học của khối kiến thức tương ứng.

- Phần kiến thức tự chọn: Sinh viên lựa chọn các môn học trên cơ sở số tín chỉ tích lũy quy định cho nhóm môn học tự chọn để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ. Phần kiến thức tự chọn, hàng năm có thể thay đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu cập nhật và hội nhập.

- Về yêu cầu thực hiện số lượng bài tập (nếu có) của các môn học do giảng viên qui định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện kỹ năng cần thiết.

- Tất cả các môn học đều phải có giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn... đã in sẵn cung cấp cho sinh viên. Tùy theo nội dung các môn học, giảng viên xác định phương pháp giảng dạy cho phù hợp.

9.2. Định hướng phương pháp dạy học

- Chương trình được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học: giảm số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự học tập, nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực tập;

- Khối kiến thức của chương trình phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho chương trình giáo dục trình độ đại học.

9.3. Định hướng đánh giá

- Đánh giá học tập thường xuyên bằng kiểm tra lý thuyết, thực hành, viết tiểu luận, vấn đáp.

- Tổ chức thi kết thúc môn học theo hình thức: tự luận, trắc nghiệm khách quan, viết tiểu luận hoặc kết hợp với các hình thức trên.

- Quy trình tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá thực hiện theo quy chế hiện hành của nhà trường.

9.4. Tốt nghiệp

Ngoài môn thực tập tốt nghiệp, sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các môn học tích lũy thay thế khóa luận theo quy định của Khoa, cụ thể:

9.4.1. Tốt nghiệp với Khóa luận tốt nghiệp (KLTN) Điều kiện làm KLTN:

Dựa theo Điều 15 Chương III của quyết định 215/QĐ-ĐHPT ngày 15/06/2021 về việc ban hành quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường Đại học Phan Thiết.

9.4.2. Tốt nghiệp với các môn học thay thế KLTN:

Đối với các học phần tích lũy để tốt nghiệp, sinh viên có thể tích lũy dần dần ở các học kỳ.

Sinh viên có thể đăng ký các môn học thay thế KLTN trước khi thực tập tốt nghiệp.

10. Mối liên hệ giữa mục tiêu chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra

CĐR (PLO)	NỘI DUNG	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5
PLO1	Hiểu và vận dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, lý luận chính trị, kinh tế, quản lý và pháp luật.	X	X			
PLO2	Hiểu và vận dụng được những kiến thức chuyên sâu về kế toán, tài chính, kết hợp với kiến thức công nghệ thông tin trong công tác chuyên môn và công tác điều hành, quản lý.		X			
PLO3	Ứng dụng kỹ năng nhận diện, phân tích, đánh giá các vấn đề trong lĩnh vực kế toán, tài chính.			X		
PLO4	Ứng dụng kỹ năng tư duy phản biện, suy luận logic, xử lý các tình huống phát sinh và đánh giá chất lượng trong công việc.			X		

CĐR (PLO)	NỘI DUNG	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5
PLO5	Ứng dụng kỹ năng truyền đạt, khởi nghiệp, tự tạo việc làm phục vụ nghề nghiệp cho cá nhân và xã hội.				X	
PLO6	Sử dụng ngoại ngữ thành thạo trong giao tiếp và chuyên môn trong lĩnh vực kế toán, tài chính.				X	
PLO7	Làm việc độc lập và thích ứng nhanh với môi trường làm việc.			X		X
PLO8	Tổ chức, điều hành công việc một cách khoa học.			X	X	X
PLO9	Ứng xử, giao tiếp và làm việc nhóm một cách hiệu quả.				X	
PLO10	Tư duy sáng tạo, giải quyết được các vấn đề nghiệp vụ liên quan đến kế toán, tài chính.			X	X	
PLO11	Hình thành ý thức tự phát triển bản thân và khả năng học tập suốt đời; thực thi trách nhiệm với công việc và với xã hội, tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.					X

11. Mối liên hệ giữa mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra Tên học phần	PLOs										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Triết học Mác- Lênin	I			I							I
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	I								I		I

Chuẩn đầu ra Tên học phần	PLOs										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Chủ nghĩa xã hội khoa học	I			I							I
Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	I										I
Tư tưởng Hồ Chí Minh	I				I				I		I
Pháp luật đại cương	I								I		I
Giáo dục Thể chất 1											I
Giáo dục Thể chất 2											I
Giáo dục quốc phòng											R
Tiếng Anh 1						I	I		I		
Tiếng Anh 2						I	I		I		
Tiếng Anh 3						I	I		I		
Tiếng Anh 4						R	I		I		I
Tiếng Anh 5					R	R	R	I	R		
Tiếng Anh chuyên ngành kế toán		R		R		M				I	I
Toán cao cấp	I						R		I		
Thống kê ứng dụng	I								I		I
Tin học căn bản	I				I						I
Kinh tế vi mô	I			I					I		
Kinh tế vĩ mô	R			I					I		I
Pháp luật kinh tế	I			I					I		R
Marketing căn bản	I			I				I	I		I
Toán tài chính	R	R									
Nhập môn tài chính tiền tệ		I	I						I		
Quản trị tài chính doanh nghiệp		R									
Nghiệp vụ ngân hàng thương mại		R									
Thuế	M	M	R						R		I
Nguyên lý kế toán		M							R		
Thanh toán quốc tế		R	R								
Kế toán quốc tế	I	R	R	R		R	R		R		

Chuẩn đầu ra Tên học phần	PLOs										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Tài chính quốc tế		R	R						I		
Phân tích hoạt động kinh doanh	M	M	M						R		R
Phân tích tài chính		R			I				I		
Kế toán tài chính 1	R	M	M	R			R			R	R
Kế toán tài chính 2	M	M	M						R		R
Kế toán tài chính 3	M	M	M						R		R
Kế toán tài chính 4	M	M	M	R			R			R	R
Hệ thống thông tin kế toán	R	M	M		M				R		
Kế toán quản trị		M	M				R	R	M		
Kế toán chi phí giá thành	M	M	M						R		R
Kế toán thuế	M	M	M	R						R	R
Kế toán ngân hàng thương mại	I	M	R	R			R			R	
Kiểm toán 1	M	M	M	R			R	I	R		
Tin học kế toán		M	M		M		R	R			
Thực hành sổ sách kế toán	R	R	M	M			R		R		
Kế toán mô phỏng (Misa)	M	M	M	R	M					R	R
Thuế ứng dụng	I	M	M	M				M		R	R
Kế toán ngân sách	R	M	R	R			R		R	I	I
Kế toán hành chính sự nghiệp	M	M	M	R							R
Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	R	M	M					R	R	R	R
Kiểm toán 2	M	M	M	R			R	I	R		R
Kiểm soát nội bộ	I	R	R	R	R		R	R	R	I	I
Kiểm toán nội bộ	I	R	M		R				R		R
Khoá luận tốt nghiệp	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
Thực tập tốt nghiệp	M	M	M	M	R	M	M	M	M	M	M
Kỹ năng mềm					R		R		R		R
Phương pháp Nghiên cứu khoa học	R			I							

Ghi chú: M (Master), R (Reinforced), I (Introduction)

12. Ma trận đối sánh CĐR CTĐT theo khung trình độ quốc gia bậc Đại học

CĐR theo khung trình độ QG CĐR CTĐT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	K T1	K T2	K T3	K T4	K T5	K N1	K N2	K N3	K N4	K N5	K N6	TCT N1	TCT N2	TCT N3	TCT N4
PLO1		X		X											
PLO2	X		X	X	X										
PLO3						X									
PLO4								X	X						
PLO5							X			X					
PLO6											X				
PLO7												X			
PLO8													X		X
PLO9												X	X		
PLO10												X		X	
PLO11														X	

13. Đề cương chi tiết